TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN DƯƠNG KINH** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02-12-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Kim Dũng

Ông Phạm Thanh Giản

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên Toà án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 357/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 367/TB ngày 26 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Đức D; nơi cư trú: Tổ 12, phường H, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Ph; nơi cư trú: Tổ 12, phường H, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Phạm Đức D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị Ph kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K (nay là phường H, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng) vào năm 1987. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất hòa trong cuộc sống, không có sự thống nhất trong vấn đề làm ăn kinh

tế, không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Ông và bà Ph đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng sống ly thân hơn một năm nay. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, căng thẳng, không ai quan tâm đến ai. Nay, ông thấy thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Ph.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Đức D, sinh năm 1988 (đã trưởng thành) và Phạm Đức A , sinh năm 1998, hiện tại là người khuyết tật nặng, không có khả năng lao động. Vì vậy, khi ly hôn, ông đề nghị được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đức Anh. Trường hợp bà Ph có nguyện vong nuôi con thì ông cũng đồng ý giao con chung cho bà Ph nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu bà Ph phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn là bà Đỗ Thị Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác định giữa bà và ông D có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nên bà không đồng ý ly hôn ông D. Trường hợp ông D cương quyết ly hôn thì bà cũng chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con, một con đã trưởng thành, cháu Đức Anh là người khuyết tật, đang được hưởng trợ cấp của Nhà nước, bà là phụ nữ có nhiều thời gian chăm sóc con hơn nên bà đề nghị được quyền nuôi dưỡng cháu Đức Anh. Về cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận, cùng có trách nhiệm nuôi con.

Về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú xác định: Ông D và bà Ph xảy ra mâu thuẫn từ lâu, căng thẳng nhất từ đầu năm 2020, vợ chồng không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không hòa giải được. Về con chung: Ông bà có 02 con chung, một con đã trưởng thành, cháu Phạm Đức A là người khuyết tật được hưởng trợ cấp của UBND Quận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông D được ly hôn bà Ph; về con chung: Giao con chung là Phạm Đức A , sinh năm 1998 cho bà Ph tiếp tục nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận. Về tài sản chung, ông D bà Ph không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Ông Phạm Đức D có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng giải quyết ly hôn với bà Đỗ Thị Ph cư trú tại tổ 12, phường H, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Về quan hệ hôn nhân:

[2] Ông Phạm Đức D và bà Đỗ Thị Ph xây dựng gia đình với nhau năm 1987, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng ông bất đồng trong vấn đề kinh tế, không có sự tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm; dẫn đến cãi vã, xúc phạm nhau thường xuyên. Quá trình xác minh thập chứng cứ tại nơi ông D, bà Ph cư trú xác định: Ông D và bà Ph xảy ra mâu thuẫn đã lâu, gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn giữa ông D, bà Ph ngày càng trầm trọng. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Ông D làm đơn xin ly hôn bà Ph, Tòa án đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn giữa hai bên nhưng không thành. Bản thân bà Ph không muốn vợ chồng ly hôn nhưng cũng không có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải và đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà Ph đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của ông D xin ly hôn bà Ph là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Đức D, sinh năm 1988 (đã trưởng thành) và Phạm Đức A, sinh năm 1998. Quá trình xác minh tại UBND phường H

xác định con chung Phạm Đức A là người khuyết tật nặng, không có khả năng lao động, đang được hưởng trợ cấp xã hội. Tại phiên tòa, ông D và bà Ph đều thống nhất giao con chung là Phạm Đức A cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Thỏa thuận của ông D, bà Ph phù hợp thực tế và quy định tại các điều 81, điều 82 và điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung:

[5] Ông D, bà Ph không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về án phí:*

[6] Ông Phạm Đức D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Ông Phạm Đức D và bà Đỗ Thị Ph được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 28, điều 35, điều 39, điều 147 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đức D được ly hôn bà Đỗ Thị Ph.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Đức A, sinh năm 1998 cho bà Đỗ Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đức A có đủ khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Ông D và bà Ph không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết

4. Về án phí: Ông Phạm Đức D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0003502 ngày 06-10-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Ông Phạm Đức D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Đức D và bà Đỗ Thị Ph có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND quận Dương Kinh;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Dương Kinh;
- UBND phường H (ĐKKH 1987);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng